

Số: ~~2689~~ 2689/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 12 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030; Công văn số 2999/LĐTBHX-BTXH ngày 19/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 271/TTr-SLĐTBXH ngày 25/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành có liên quan, UBND huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện quyết định này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài chính; Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: *Phụ*

- Bộ LĐTB&XH;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh PTVHXXH;
- CVP, PCVP PTVHXXH;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, SN27b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thủy
Phạm Văn Thủy

trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2649~~ 2649/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Tình hình đối tượng an sinh xã hội:

- Theo số liệu thống kê 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 27.312 đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng tại cộng đồng, 7.596 hộ đói giáp hạt, cứu trợ đột xuất 1.291 hộ do thiên tai; có 02 trung tâm bảo trợ xã hội đang chăm sóc 162 đối tượng là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và người tâm thần; 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp với 9.097 trẻ em, trong đó có 33,5% được trợ giúp thường xuyên và 66,5% được trợ giúp khác. Hiện nay việc chi trả trợ cấp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội đã được triển khai thực hiện qua bưu điện huyện, thành phố.

- Có 3.648 người có công với các mạng được chi trả trợ cấp thường xuyên hàng tháng, giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho 2.702 trường hợp với số tiền chi trả trên 40 tỷ đồng. Số hộ chính sách thuộc diện hộ nghèo: 738 hộ; số hộ chính sách còn nhà ở dột nát, nhà tạm là 1.141 hộ.

- Về tỷ lệ hộ nghèo: theo kết quả điều tra hộ nghèo năm 2016, tổng số hộ nghèo trong toàn tỉnh là 87.146 hộ, tỷ lệ hộ nghèo là 31,91%; tổng số hộ cận nghèo là 29.812 hộ, chiếm 10,92%. Trong 6 tháng đầu năm, số hộ nghèo của tỉnh khoảng 82.976 hộ chiếm khoảng 29,83%, giảm 4.170 hộ (*Hộ thoát nghèo 5.573 hộ; hộ nghèo phát sinh 1.403 hộ*).

- Tính đến tháng 8/2017, tổng số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 1.166.912 người, đạt 95,78% dân số, trong đó: tham gia BHXH bắt buộc 63.019 người, tham gia BHXH tự nguyện 2.518 người, tham gia BHTN 50.156 người, tham gia BHYT 1.166.912 người.

2. Thực trạng ứng dụng CNTT và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội:

2.1. Hệ thống thông tin quản lý và CSDL lĩnh vực BHXH

Hiện nay tỉnh Sơn La đang sử dụng các hệ thống phần mềm trực tuyến dùng chung trong các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội (BHXH), như: Hệ thống phần mềm quản lý thu và cấp sổ thẻ (TST); phần mềm quản lý hộ gia đình; phần mềm quản lý chi trả (QLCHI); Hệ thống tiếp nhận thông tin giám định

BHYT (GDBHYT) và Giám định bảo hiểm y tế (GIAMDINHBHYT)... Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã xây dựng và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành giai đoạn 2015 - 2020; ban hành thiết kế mẫu mạng nội bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN) của BHXH cấp tỉnh và huyện. Kết quả đầu tư ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong ngành BHXH bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, có tác động tích cực đến chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt từng bước thay đổi phương pháp và môi trường làm việc dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin tại các cấp trong toàn ngành.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã đưa vào sử dụng công thông tin điện tử www.baohiemxahoi.gov.vn, tại đây người tham gia có thể tra cứu quá trình tham gia BHXH, mã số BHXH và giá trị sử dụng thẻ BHYT của mình. Toàn bộ hệ thống phần mềm và dữ liệu được tập trung tại BHXH Việt Nam.”; đang thực hiện việc cấp mã số BHXH (MSBHXH) cho người tham gia BHXH, BHYT, dự kiến đến hết 30/6/2018 hoàn thành.

2.2. Hệ thống thông tin và CSDL người có công

- Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được xây dựng và triển khai nhằm cung cấp các thông tin, tin tức sự kiện có liên quan; văn bản chính sách và các hỏi/đáp có liên quan đến trợ cấp, ưu đãi người có công và công tác đền ơn đáp nghĩa...; Cơ sở dữ liệu người có công được lưu trữ không tập trung: Năm 1997, “phần mềm quản lý thông tin về người có công”; Năm 2004, phần mềm “Quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi người có công; Năm 2010, xây dựng phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu về mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ; Năm 2011, xây dựng phần mềm quản lý giám định ADN xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng, triển khai phần mềm “Quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi người có công” để cập nhật, quản lý thông tin và phục vụ hoạt động chi trả trợ cấp đối với người có công theo 03 cấp: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Quản lý hồ sơ đối tượng và danh sách chi trả trợ cấp; Quản lý công tác lập dự toán, cấp phát kinh phí và chi trả trợ cấp ưu đãi người có công...

2.3. Hệ thống thông tin và CSDL bảo trợ xã hội và giảm nghèo

- Cổng thông tin điện tử về Bảo trợ xã hội được triển khai tại địa chỉ <http://btxh.gov.vn> là nền tảng gắn kết các ứng dụng, hệ thống thông tin và CSDL trong nội bộ phục vụ quản lý, điều hành; đồng thời cũng là kênh kết nối/tích hợp với hệ thống khác nhằm cung cấp dịch vụ công về BTXH. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu về BTXH (chuẩn hoá bộ chỉ tiêu thống kê, xây dựng các giải pháp kỹ thuật phần cứng, phần mềm bảo đảm cập nhật, phân tích, tổng hợp và truyền tải thông tin về BTXH từ Trung ương tới địa phương).

- Hệ thống CSDL về giảm nghèo: Phần mềm PoSoft được dựng từ 2009, phiên bản hiện đang triển khai là 3.0; phần mềm đã được triển khai ở tất cả các

huyện, một số xã. Cơ sở dữ liệu về giảm nghèo được lưu trữ, cập nhật chủ yếu ở các huyện, sau đó được gửi lên tỉnh/thành phố để gửi về trung ương. Cấp tỉnh chưa tổng hợp được số liệu từ các huyện (Do chưa triển khai phần mềm ở cấp tỉnh) vì vậy mới chỉ có một số địa phương là cập nhật được, chưa kết nối liên thông giữa các cấp.

2.4. Về dữ liệu mã định danh công dân:

Bộ Công an đang triển khai việc xây dựng và hình thành mã số định danh công dân hay thẻ công dân điện tử với 02 dự án: (1) Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: đang xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi. Sau khi xây dựng và hình thành (dự kiến năm 2020), cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ là dữ liệu gốc để các hệ thống khác của chính phủ và doanh nghiệp khai thác theo quyền được cung cấp. (2) Hệ thống cấp thẻ căn cước công dân: đang trong giai đoạn triển khai, cấu trúc thông tin số thẻ căn cước công dân mới được cấp 12 số; dự kiến năm 2017 sẽ cấp được 24 triệu số thẻ căn cước công dân mới, đạt 30% trên tổng số cần cấp và đến năm 2020 sẽ cấp thẻ căn cước công dân mới cho 100% người dân.

Đối với tỉnh Sơn La, hiện nay vẫn đang thực hiện cấp chứng minh nhân dân 9 số do chưa thuộc diện triển khai cấp thẻ căn cước công dân mới theo lộ trình của Chính phủ (*dự kiến triển khai từ năm 2018*).

2.5. Về hạ tầng tích hợp dữ liệu ASXH: Hiện nay Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã đầu tư xây dựng Trung tâm tổng hợp dữ liệu (THDL) tại bộ và đã đi vào hoạt động, hỗ trợ cho việc lưu trữ, xử lý số liệu thông tin ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cũng như phục vụ trao đổi thông tin kịp thời đảm bảo ninh, an toàn với độ sẵn sàng cao.

2.6. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chế độ chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La (dịch vụ công trực tuyến).

Hiện nay Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tiếp nhận hồ sơ và giải quyết trực tuyến 06 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 (05 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 01 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) đối với 06 thủ tục hành chính về giải quyết chế độ an sinh xã hội tại địa chỉ <http://dvc.sonla.gov.vn>, gồm:

- Lĩnh vực người có công, gồm 05 thủ tục: (1) Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động; (2) Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng; (3) Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần; (4) Thủ tục giải quyết chế độ tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần; (5) Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh tham gia kháng chiến từ 30/4/1975 trở về trước từ trần.

- Lĩnh vực bảo trợ xã hội, 01 thủ tục: Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

Ngoài ra, có 02 thủ tục hành chính về lĩnh vực việc làm, lao động - tiền lương - quan hệ lao động (*Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp*) cũng đã được giải quyết trực tuyến ở mức độ 3.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 708/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiến độ, hiệu quả theo lộ trình của Chính phủ.

- Triển khai cấp sổ và thẻ an sinh xã hội điện tử để tích hợp, giúp người dân thụ hưởng thuận lợi các chính sách trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

2. Yêu cầu

- Xây dựng cơ chế phối hợp, xác định trách nhiệm và phân công trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ theo lộ trình của Chính phủ.

- Đảm bảo hoàn thành các công việc được phân công, đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng đề ra.

III. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2020

1. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, cập nhật và khai thác thông tin về an sinh xã hội. Qua đó tạo sự đồng thuận của các cấp, các ngành, sự ủng hộ tích cực của nhân dân trong quá trình triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

- Cơ sở quốc gia về an sinh xã hội bao gồm thông tin cơ bản về công dân Việt Nam là đối tượng của các chính sách: Trợ giúp xã hội, giảm nghèo, người có công với cách mạng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Định hướng đến năm 2030, mở rộng cơ sở dữ liệu Quốc gia về an sinh xã hội bao gồm: trẻ em, dạy nghề, việc làm, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 - 2020.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội

a) Tiếp tục rà soát, xây dựng bổ sung 15 phần mềm ứng dụng để giải quyết trực tuyến 15 thủ tục hành chính về chính sách về an sinh xã hội; nâng cấp mức độ giải quyết trực tuyến đối với các thủ tục hành chính chính sách an sinh

xã hội đã được triển khai để đáp ứng tình hình thực tế triển khai thực hiện.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2017 - 2020.

b) Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội đảm bảo các chỉ tiêu, chỉ số đầu vào, đầu ra, các cơ sở dữ liệu thành phần cập nhật, quản lý, tích hợp và trao đổi cơ sở dữ liệu an sinh xã hội, gồm các thông tin sau đây:

- Các thông tin về đối tượng và chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Các thông tin về đối tượng và chính sách giảm nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Các thông tin về đối tượng và chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Các thông tin về đối tượng và chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn luật.

Thời gian thực hiện: Cập nhật thường xuyên, hàng năm.

c) Triển khai tích hợp các thông tin sau đây vào cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội:

- Các thông tin định danh công dân theo quy định tại điều 9, Luật Căn cước công dân và các văn bản hướng dẫn luật.

- Các thông tin về đối tượng và chính sách bảo hiểm xã hội theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn luật.

- Các thông tin về đối tượng và chính sách bảo hiểm y tế theo quy định tại Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn luật.

Thời gian thực hiện: Năm 2020.

3. Triển khai thực hiện cấp số và thẻ an sinh xã hội điện tử cho công dân trên địa bàn tỉnh là đối tượng của an sinh xã hội theo lộ trình của Chính phủ.

Thời gian thực hiện: Năm 2020.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và người dân về vai trò, tác dụng của sổ an sinh xã hội, thẻ an sinh xã hội điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết chính sách an sinh xã hội, xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hạ tầng kỹ thuật nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong

việc giải quyết chi trả chính sách, xây dựng cơ sở dữ liệu; lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công bảo đảm chi trả theo yêu cầu, thực hiện theo cơ chế thu hồi vốn đầu tư thông qua thu phí cung cấp dịch vụ chi trả chính sách; hướng dẫn, hỗ trợ người dân tự đăng ký và nhập liệu các trường thông tin cá nhân vào cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

3. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức viên chức, nhân viên trong việc ứng dụng, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.

4. Tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội của các cấp, các ngành.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Vốn doanh nghiệp, chi phí dịch vụ chi trả các chính sách an sinh xã hội.

2. Nguồn vốn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí được các bộ, ngành Trung ương cấp để thực hiện các dự án, đề án, cụ thể:

- Kinh phí tổ chức tập huấn: Từ nguồn kinh phí được các bộ, ngành Trung ương cấp cho các sở, ngành thực hiện các dự án, đề án hàng năm;

- Kinh phí thu thập và nhập dữ liệu về hộ nghèo, cận nghèo, hộ có người hưởng trợ cấp xã hội vào hệ thống MIS POSASoft theo tỷ lệ hỗ trợ từ Ban quản lý dự án “Tăng cường trợ giúp xã hội Việt Nam” là 70%, ngân sách tỉnh 30% năm 2017, tỷ lệ 50%/50% năm 2018 và tỷ lệ 30%/70% năm 2019 (*theo Quyết định 577/QĐ-LĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*); dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện 03 năm (2017, 2018 và 2019) là: 1.851 triệu đồng, trong đó kinh phí do BQL dự án “Tăng cường trợ giúp xã hội Việt Nam” hỗ trợ 874 triệu đồng; kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ 977 triệu đồng (*năm 2018 với tỷ lệ 50%: 432 triệu đồng; năm 2019 với tỷ lệ 70%: 545 triệu đồng*); nguồn kinh phí thực hiện những năm tiếp theo do ngân sách tỉnh cấp để thực hiện công tác nhập dữ liệu đối tượng phát sinh.

- Kinh phí nhập dữ liệu vào phần mềm quản lý chi trả chính sách đối với người có công từ nguồn kinh phí quản lý chi trả chính sách đối với người có công;

- Kinh phí rà soát, xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết trực tuyến các thủ tục hành chính về chính sách an sinh xã hội: 15 thủ tục (*khoảng 20 triệu đồng/thủ tục*): 300 triệu đồng, trong đó: từ nguồn kinh phí quản lý chi trả chính sách đối với người có công 200 triệu đồng; nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung 100 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện các đề án, dự án, cập nhật dữ liệu của các ngành (*Công an, Bảo hiểm xã hội*) từ nguồn kinh phí do các bộ, ngành trung ương cấp và nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo từng đề án, dự án.

- Kinh phí tuyên truyền: Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo dự toán chi thường xuyên hàng năm của các sở, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố.

3. Nguồn huy động, tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn hợp pháp khác theo quy định, của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì hướng dẫn các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ của đề án; kiểm tra, giám sát và tổ chức sơ kết hàng năm; tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án vào năm 2020 trước khi tiếp tục triển khai giai đoạn tiếp theo đến năm 2030;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các cơ quan chuyên môn có liên quan rà soát và đề xuất với cấp có thẩm quyền lựa chọn đơn vị có mạng lưới cơ sở vật chất và nhân lực trải rộng đến cấp xã trên cả nước, có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội, các chính sách an sinh xã hội và bảo đảm xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội thống nhất để cung cấp dịch vụ chi trả các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông: Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở trong việc ứng dụng các phần mềm, cập nhật dữ liệu, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội; tiếp tục rà soát, xây dựng bổ sung phần mềm ứng dụng giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 đối với 15 thủ tục hành chính về giải quyết chính sách an sinh xã hội khác; triển khai có hiệu quả, nâng mức độ cao hơn thủ tục giải quyết chính sách an sinh xã hội đã được thực hiện trực tuyến tại địa chỉ <http://dvc.sonla.gov.vn>;

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh nghiên cứu, đề xuất xây dựng quy trình kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong tỉnh;

- Phối hợp quản lý, khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội phục vụ cho công tác quản lý, giải quyết chính sách an sinh xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và UBND huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả 02 dự án (*Nghị định số 90/2010/NĐ-CP ngày 18/8/2010 của Chính phủ và Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 08/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ*); Hệ thống CSDL quốc gia về dân cư và hệ thống cấp thẻ căn cước công dân mới để đảm bảo tiến độ tích hợp dữ liệu mã định danh công dân vào cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội vào năm 2020.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh: Thường xuyên cập nhật dữ liệu, khai thác có hiệu quả các phần mềm, cơ sở dữ liệu quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đáp ứng được yêu cầu tích hợp dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội vào năm 2020.

4. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội; quyền và trách

nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp, cập nhật và khai thác thông tin về an sinh xã hội;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thành phố trong việc ứng dụng công nghệ thông tin triển khai cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Phối hợp thẩm định việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các thủ tục hành chính về an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La tại địa chỉ <http://dvc.sonla.gov.vn>.

5. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban, ngành liên quan lập dự toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo quy định, báo cáo UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án trên địa bàn.

6. Các sở, ngành liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo nhiệm vụ quản lý.

7. UBND huyện, thành phố:

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội để người dân tích cực tham gia, ủng hộ.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan và UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện công tác các cập nhật dữ liệu về an sinh xã hội vào các phần mềm ứng dụng, hệ thống cơ sở dữ liệu theo yêu cầu của Đề án đảm bảo đúng tiến độ; quản lý, khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, giải quyết chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này, nếu thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung trong kế hoạch, các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố chủ động kiến nghị, đề xuất gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thủy